

Số: 089-2021/CV-NAV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nam Việt**
- Mã chứng khoán: NAV
- Địa chỉ trụ sở chính: 18F Tầng Nhon Phú, KP.4, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 37282102- Fax: (028) 37313641
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Hoàng Kiều Phong – Tổng Giám Đốc**
- Địa chỉ: 18F Tầng Nhon Phú, KP.4, P. Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (028) 3728 2102- Fax: (028) 37313641
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố :

Công ty cổ phần Nam Việt đã ký: Hợp đồng soát xét báo cáo tài chính với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ngày 26/10/2021 số 234/2021/HĐKT-AFCVN (V/v: Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty cổ phần Nam Việt).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/10/2021 tại đường dẫn sau: <http://navifico.vn/vi/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Kiều Phong

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPCT.

Số: 234/2021/HĐKT-AFCVN

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021 của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định về hoạt động thương mại;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Thực hiện chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào yêu cầu của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2021, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Người đại diện : Ông **HOÀNG KIỀU PHONG**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Theo nội dung Giấy Ủy quyền của Chủ tịch HĐQT số 01-2021/UQ-NV
Địa chỉ : 18F Tầng Nhơn Phú, KP4, Phường Phước Long B, Tp.
 Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (028) 3 728 2102
Fax : (028) 3 731 3641
Tài khoản tiền Việt Nam số : 117.00000.8404
Tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN- CN Đông Sài Gòn
Mã số thuế : 0 3 0 2 2 0 5 9 7 3

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Người đại diện : Bà **ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Lầu 2, Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 04 Nguyễn
 Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 2 2200 237
Email : dangmyvan@pkf.afcvietnam.vn
Fax : (028) 2 2200 265
Tài khoản tiền Việt Nam số : 007 100 007 8014
Tại Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0 3 0 0 4 4 8 9 9 5

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ Soát xét báo cáo tài chính lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021 của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Công việc của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết quả soát xét, ý kiến về báo cáo tài chính của bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của bên A

Cuộc soát xét của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích soát xét và;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình soát xét.
- (d) Sau khi bên B gửi dự thảo báo cáo soát xét, Bên A trong vòng 15 ngày làm việc sẽ phản hồi ý kiến về các dự thảo này

Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ soát xét và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B

Đối với dịch vụ soát xét

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện công việc.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc soát xét báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẩn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, nên có thể có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết sai sót.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình soát xét báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO SOÁT XÉT

3.1 Sau khi hoàn tất công việc soát xét (là thời điểm Bên A đồng ý dự thảo báo cáo hoặc sau 15 ngày làm việc từ khi Bên B gửi dự thảo báo cáo mà Bên A không có ý kiến phản hồi thì nội dung công việc nêu tại Điều 1 được coi như hoàn thành), Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.
Báo cáo soát xét được lập thành 13 (mười ba) bộ tiếng Việt-Anh. Bên A giữ 12 (mười hai) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ cho mỗi thứ tiếng.

Báo cáo soát xét sẽ được lập thành văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Thư quản lý (nếu có) đề cập tới các mặt hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

- 3.2 Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo soát xét của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

	VND
Phí soát xét theo VAS	25.000.000
Thuế giá trị gia tăng (10%)	2.500.000
Tổng phí thanh toán	27.500.000

(Bằng chữ: hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)

4.2 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các đợt như sau:

	VND
Thanh toán 50% đợt 1 khi chấp nhận hợp đồng soát xét	13.750.000
Thanh toán 50% đợt 2 sau khi phát hành báo cáo soát xét	13.750.000
	27.500.000

- 4.3 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Bên B phát hành hóa đơn GTGT theo quy định.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

- 5.1 Báo cáo soát xét sẽ được phát hành trong thời gian nhanh nhất theo đúng kế hoạch. Cụ thể như sau:

Công việc	Thời hạn
- Bên B đến văn phòng Bên A thực hiện soát xét giữa niên độ	01-04/11/2021
- Bên B phát hành dự thảo báo cáo soát xét	Dự kiến 12/11/2021
- Bên A phản hồi ý kiến trên dự thảo báo cáo soát xét	Dự kiến 15/11/2021

Trường hợp có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để có thể phát hành báo cáo đúng theo thỏa thuận.

- 5.2 Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được tòa án kinh tế thụ lý và giải quyết. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án, các bên vẫn phải thực hiện đúng các điều đã cam kết trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

HOÀNG KIỀU PHONG

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

C.P. ANH

N.H.H